TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12-12-2023

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Vũ
2. Ông Nguyễn Thanh Phong

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn R sống chung như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông R có 04 người con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 28/01/1997, Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 15/8/1999, Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày 19/11/2000 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/8/2013. Bà và ông R không có nợ chung và không có tài sản chung.

Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 01/2023 thì bà và ông R phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không tìm được điểm chung trong lối sống, hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay, bà nhận thấy tình cảm không còn, không ai còn quan tâm ai nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà các vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông R là vợ chồng.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/8/2013. Không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung là Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 28/01/1997, Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 15/8/1999, Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày 19/11/2000 đã trưởng thành và có thể tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/11/2023 bà Trần Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông và bà L sống chung từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung có 04 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày: 28/01/1997, Nguyễn Duy Kh, sinh ngày: 15/8/1999, Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày: 19/11/2000 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 08/8/2013.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm từ đầu năm 2023, thường xuyên cải vã nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà L yêu cầu không công nhận giữa bà và ông là vợ chồng, ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Các con chung tên Th, Kh, Nh đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý để cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/11/2023 ông Nguyễn Văn R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn R đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã H, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn R có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về hôn nhân: Bà L và ông R tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống ông, bà có 04 người con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà ông bà đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí bàn bạc, hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết bà L và ông R đều thống nhất không công nhận ông, bà là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, không công nhận bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn R là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà L và ông R có 04 con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 28/01/1997, Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 15/8/1999, Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày 19/11/2000 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/8/2013.

Trong đó Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 28/01/1997, Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 15/8/1999, Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày 19/11/2000 đều đã trưởng thành, bà L và ông R không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/8/2013. Sau khi lấy ý kiến cháu H trình bày: Cháu đang sống chung với mẹ và cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu H cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà L và ông R trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà L và ông R trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn R là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 28/01/1997, Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 15/8/1999, Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày 19/11/2000 đều đã trưởng thành, bà L và ông R không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/8/2013. Ông R không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn R trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn R trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0000156 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí